TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2024/KDTM - PT
Ngày: 09 - 8 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thuỷ; 2. Bà Trương Thị Anh:

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi -Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:12/2024/TLPT- KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án KDTM sơ thẩm số: 03 /2024/KDTM -ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:12/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (BV B2).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H - Giám đốc TT.QL&THN.

Địa chỉ: Tòa nhà H - số D N, phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Xuân B - Cán bộ Ngân hàng. (Có mặt).

Địa chỉ: Số B Đại Lộ L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đình H1 - Giám đốc.(Có mặt)

Địa chỉ: Số B H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3. 1.Ông Vũ Đình H1 - sinh năm 1988. Có mặt.

3.2 . Bà Nguyễn Thị Y - sinh năm 1990.

Cùng trú tại: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y:Ông Vũ Đình H1 - sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B1 (V1) trình bày:*

Công ty TNHH V và Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (BV B2) ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0752200005500 ngày 04/3/2022 và 0752300033200 ngày 09/06/2023.

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0752200005500 ngày 04/3/2022 số tiền vay và đã giải ngân thể hiện qua các giấy nhận nợ cụ thể:

Ngày 10/3/2022 nhận nợ: 250.000.000 đồng; Mục đích thanh toán tiền mua hàng; thời hạn cho vay: 11 tháng từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/02/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/3/2022;

Ngày 14/3/2022 nhận nợ: 260.000.000 đồng; Mục đích thanh toán tiền mua hàng; thời hạn cho vay: 11 tháng từ ngày 14/3/2022 đến ngày 14/02/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/3/2022

Ngày 18/3/2022 nhận nợ: 600.000.000 đồng; Mục đích thanh toán tiền mua hàng; thời hạn cho vay: 11 tháng từ ngày 18/3/2022 đến ngày 18/02/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/4/2022

Ngày 12/5/2022 nhận nợ: 59.863.180 đồng; Mục đích thanh toán tiền mua hàng; thời hạn cho vay: 11 tháng từ ngày 12/5/2022 đến ngày 12/4/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/5/2022

Ngày 31/5/2022 nhận nợ:100.000.000 đồng; Mục đích thanh toán tiền mua hàng; thời hạn cho vay: 11 tháng từ ngày 31/5/2022 đến ngày 30/4/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/6/2022

Ngày 01/7/2022 nhận nợ:300.000.000 đồng; Mục đích thanh toán tiền mua hàng; thời hạn cho vay: 11 tháng từ ngày 01/7/2022 đến ngày 01/6/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/7/2022

Ngày 30/09/2022 nhận nợ: 755.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày 30/09/2022 đến ngày

30/08/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/10/2022;

Ngày 11/11/2022 nhận nợ: 375.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng; Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày 11/11/2022 đến ngày 11/04/2023, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/12/2022;

Ngày 16/02/2023 nhận nợ: 1.845.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày 16/02/2023 đến ngày 16/01/2024, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/03/2023;

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0752300033200 ngày 09/06/2023 số tiền vay và đã giải ngân qua giấy nhận nợ :

Ngày 09/06/2023 nhận nợ: 285.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền lương tháng 3 và tháng 4 năm 2023 cho cán bộ nhân viên Công ty TNHH V; Thời hạn cho vay: 09 tháng kể từ ngày 09/06/2023 đến ngày 09/03/2024, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 01 tháng/lần, thu lãi lần đầu tiên vào ngày 25/06/2023;

Tổng cộng số tiền đã giải ngân qua các Giấy nhận nợ của 02 hợp đồng trên là: 4.454.863.180 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y đã thế chấp tài sản diện tích 186m^2 đất ở thửa đất số 157, tờ bản đồ 38và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích sàn 60m^2 xây dựng năm 1997 được phản ánh tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 645503, do UBND thị xã (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa, cấp ngày 07/10/2014, thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y.

Quá trình thực hiện các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng trên. Tính đến ngày 26/6/2023 Công ty TNHH V đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền theo các giấy nhận nợ ngày 10/3/2022;14/3/2022;18/3/2022;12/5/2022; 31/5/2022; 01/7/2022; 11/11/2022;

Tính đến ngày 07/11/2023 Công ty TNHH V còn nợ Ngân hàng TMCP B1 số tiền gốc: là 2.885.000.000đồng; Lãi trong hạn là 124.497.970đồng; Lãi quá hạn là 22.153.562đồng; Lãi phạt chậm trả là 1.943.481đồng. Tổng cộng là: 3.033.595.013 đồng (*Ba tỷ, không trăm ba mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm mười ba đồng*).

Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng Công ty TNHH V không trả. Nay Ngân hàng TMCP B1 đề nghị Toà án nhân dân thành phố Sầm Sơn buộc Công ty TNHH V phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 22/4/2024 tổng số tiền: 3.258.195.444đồng (Ba tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn bốn đồng). (Trong đó: Nợ gốc 2.885.000.000đồng; Lãi trong hạn 186.205.711đồng; Lãi quá hạn 186.989.733 đồng).

Buộc Công ty TNHH V phải chịu toàn bộ số tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP B1, có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp số 0752200005600 ngày 04/03/2022, là thửa đất số 157, tờ bản đồ 38, diện tích 186m² đất ở đô thị sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích sàn 60m² xây dựng năm 1997 được phản ánh tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 645503, do UBND thị xã (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa, cấp ngày 07/10/2014, thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ cho BV B2 thì Công ty TNHH V vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết toàn bộ các khoản nợ còn thiếu cho BV B2.

Buộc Công ty TNHH V phải chịu toàn bộ chi-phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

Phía bị đơn trình bày: Về thời gian ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng và số tiền vay và tiền Công ty TNHH V còn nợ số tiền nợ gốc và các khoản lãi xuất như Ngân hàng kê khai là đúng nhưng do ảnh hưởng của đại dịch covid19, việc làm ăn kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên đến nay phía bị đơn vẫn không có nguồn tài chính để trả nợ nên đề nghị Ngân hàng xem xét cho bị đơn thêm thời gian trả nợ và xin miễn toàn bộ các khoản lãi suất và phí phát sinh trong quá trình tố tụng cho bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 04/3/2022 chúng tôi là Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y là diện tích 186m² đất ở thửa đất số 157, tờ bản đồ 38và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích sàn 60m² xây dựng năm 1997 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 645503, do UBND thị xã (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa, cấp ngày 07/10/2014, mang tên ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X và đã được tặng cho chúng tôi và có đăng ký biến động vào ngày 14/01/2022 thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y. Việc thế chấp tài sản trên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0752200005600 ngày 04/3/2024 để đảm bảo khoản vay của Công ty TNHH V tại Ngân hàng B1 là hoàn toàn tự nguyện. Nay Ngân hàng B1 khởi kiện công ty TNHH V trả nợ số tiền nợ gốc và các khoản lãi suất đề nghị Ngân hàng xem xét cho Công ty TNHH V thêm thời gian trả nợ và xin miễn toàn bộ các khoản lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ về tài sản Công ty TNHH V, dùng thế chấp cho khoản vay, theo yêu cầu của nguyên đơn, kết quả như sau:

- Về đất: Giữ nguyên theo hiện trạng đã được phản ánh tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 645503, do UBND thị xã (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2014, thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y, là thửa đất số 157, tờ bản đồ 38, diện tích 186m² đất ở đô thị sử dụng lâu dài.

- Về tài sản trên đất: Một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích sàn 60m², tường gạch, nền lát gạch men xây dựng năm 1997; một nhà bếp mái tôn, tường gạch, nền lát gạch men diện tích 50m² xây dựng năm 2012.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt chậm trả và chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

Bản án KDTM sơ thẩm số 03 /202 4/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

.*Căn cứ:* - Khoản 1 Điều 30; 35; 39; 147; 271; 273; 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299; 317; 318; 319; 320; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 91; 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật đất đai; Điều 27; 28 Luật hôn nhân gia đình

- Điều 19; 24; 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt chậm trả và phần yêu cầu giải quyết các chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (BV B2), về việc: Buộc Công ty TNHH V, phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng (BV B2), tính đến hết ngày 22/4/2024. Tổng cộng 3.258.195.444đồng (Ba tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn bốn đồng). (Trong đó: Nợ gốc 2.885.000.000đồng; Lãi trong hạn 186.205.711đồng; Lãi quá hạn 186.989.733 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/4/2024), Công ty TNHH V, người đại diện theo pháp luật ông Vũ Đình H1, còn phải chịu thêm các khoản lãi xuất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại chưa thi hành xong.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếuCông ty TNHH vận tải và xây dựng H3,Người đại diện theo pháp luật ông Vũ Đình H1, không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng (BV B2) có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa kê biên, phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0752200005600 ngày 04/03/2022, là thửa đất số 157, tờ bản đồ 38, diện tích 186m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền trên đất tại thời điểm thế chấp và tài sản gắn liền với đất được hình thành trong tương lai là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích mặt sàn 60m² xây dựng năm 1997; một nhà bếp lợp mái tôn thường, tường gạch, nền lát gạch men diện tích 50m² xây dựng năm 2012, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 645503, do

U (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2014 cho ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y.

Trường hợp, số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì Ngân hàng (BV B2), có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xác minh nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác của Công ty TNHH V để xử lý, thu hồi xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng (BV B2).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm,ngày 05/5/2024 bị đơn, người đại diện ông Vũ Đình H1 kháng cáo ngày 17/5/2024 có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm số 03 /2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, về lãi suất không đồng ý với lãi suất ngân hàng TMCP B1 tính mà đề nghị xem xét lại các khoản tính lãi tính theo lãi suất của BLDS, đề nghị HĐXX xem xét xác định ông Vũ Đình C và Công ty B3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn công ty TNHH V. Giữ nguyên quyết định của bản án KDTM sơ thẩm số 03 /202 4/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1;

Về án phí KDTM phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí KDTM phúc thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện yêu cầu công ty TNHH V phải thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, theo các hợp đồng được ký kết giữa các bên , phía Công ty TNHH V vay vốn với mục đích kinh doanh , nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn công ty TNHH V có địa chỉ tại, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa,theo quy định khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo trong hạn, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau nội dung tranh chấp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của công ty TNHH V;

Công ty TNHH V và Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (BV B2) ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung ngày 04/3/2022 và ngày 09/06/2023. Số tiền vay và giải ngân Tổng: 4.454.863.180 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến hết ngày 22/4/2024.Tổng cộng 3.258.195.444đồng (Ba tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn bốn đồng). (Trong đó: Nợ gốc 2.885.000.000đồng; Lãi trong hạn 186.205.711đồng; Lãi quá hạn 186.989.733 đồng).

Như vậy, khi ký kết các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0752200005500 ngày 04/3/2022 và 0752300033200 ngày 09/06/2023 giữa công ty TNHH V là hoàn toàn tự nguyện và đã được giải ngân tổng: 4.454.863.180 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng công ty TNHH V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện yêu cầu công tyTNHH vận tải và xây dựng Hải Sơn H2 phải thanh toán các khoản nợ là đúng quy định.

Cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty TNHH V phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng B1 (BV B2), tính đến hết ngày 22/4/2024. Tổng cộng 3.258.195.444đồng (Ba tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc 2.885.000.000đồng; Lãi trong hạn 186.205.711đồng; Lãi quá hạn 186.989.733 đồng là có căn cứ .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/4/2024), Công ty TNHH V, người đại diện theo pháp luật ông Vũ Đình H1, còn phải chịu thêm các khoản lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại chưa thi hành xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã được các bên ký kết là có căn cứ.

Ông Vũ Đình H1 không đồng ý với khoản lãi mà Ngân hàng TMCP B1 Yêu cầu công ty TNHH V phải trả theo thoả thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân

hàng B1 chỉ được tính lãi theo lãi Suất quy định của BLDS. Xét thấy đây là Hợp đồng cấp tín dụng các bên khi ký kết hợp đồng tự nguyện và đã thoả thuận lãi suất theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu công ty TNHH V phải trả lãi suất theo thoả thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng và theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng là đúng quy định . Do đó Yêu cầu này của ông Vũ Đình H1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp : Ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y là diện tích 186m^2 đất ở thửa đất số 157, tờ bản đồ 38và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích sàn 60m^2 xây dựng năm 1997 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 645503, do UBND thị xã (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa, cấp ngày 07/10/2014, mang tên ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X và đã được tặng cho chúng tôi và có đăng ký biến động vào ngày 14/01/2022 thuộc sở hữu của ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y. Việc thế chấp tài sản trên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0752200005600 ngày 04/3/2024 để đảm bảo khoản vay của Công ty TNHH V tại Ngân hàng B1 là hoàn toàn tự nguyện.

Do vậy trong trường hợp Công ty TNHH V không trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP B1 có quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khản nợ trên cho Ngân hàng. Mặc dù quá trình xét xử ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông Vũ Đình H1 cho rằng tài sản này là của ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X bố mẹ đẻ của ông H1 tặng cho nhưng có điều kiện không được chuyển nhượng, bán… nhưng ông Vũ Đình H1 và ông Vũ Đình C cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh việc tặng cho là có điều kiện. Mặt khác tại biên bản cam kết về tài sản ngày 04/3/2022 Tại Ngân hàng TMCP B1- Chi nhánh T1 ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X (bố mẹ đẻ của ông H1) và ông Vũ Đình H1, bà Nguyễn Thị Y đã cam kết tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Đình H1, bà Nguyễn Thị Y do ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X tặng cho không kèm theo bất cứ điều kiện gì và không hạn chế bất cứ quyền của chủ sở hữu là ông Vũ Đình H1, bà Nguyễn Thị Y ông H1 bà Y có toàn quyền thế chấp tài sản này tại Ngân hàng TMCP B1 để đảm bảo nghĩa vụ khoản vay của mình hoặc của người khác. ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X đều biết việc ông H1 bà Y thế chấp tài sản này tại Ngân hàng TMCP B1 để đảm bảo cho khoản vay trên. Do vậy việc ông H1 và ông C nại Tài sản trên ông H1 không có quyền định đoạt là không có căn cứ . Toà án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH V, người đại diện theo pháp luật ông Vũ Đình H1, không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng (BV B2) có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa kê biên, phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0752200005600 ngày 04/03/2022, là thửa đất số 157, tờ bản đồ 38, diện tích 186m^2 đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền trên đất tại thời điểm thế chấp và tài sản gắn liền với đất được hình thành trong tương lai là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích mặt sàn 60m^2 xây dựng năm 1997; một nhà bếp lợp mái tôn

thường, tường gạch, nền lát gạch men diện tích 50m² xây dựng năm 2012, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 645503, do U (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2014 cho ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật .

Đối với kháng cáo xác định ông Vũ Đình C và Công ty B3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông Vũ Đình C và anh Vũ Đình H1 đều khai nại: Toàn bộ bất động sản tại thửa đất số 157 tờ bản đồ số 38 địa chỉ: Khu phố K, phường Q, thị xã S, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 645503, do UBND thị xã U cấp ngày 07/10/2014 cho ông Vũ Đình C, cập nhật tặng cho tại trang 4 ngày 14/01/2022 thuộc sở hữu/sử dụng ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay của Công ty TNHH V (Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung ngày 04/3/2022 và ngày 09/6/2023), ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y đã ký với BV B2 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0752200005600 ngày 04/3/2022 do Văn phòng C1, thành phố T chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/03/2022 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Tài sản thế chấp nêu trên, ông Vũ Đình C cho rằng: "*Vào năm 2021, tôi có đồng ý cho tặng (làm biến động không đổi bìa, không cấp bìa mới) cho con tôi là anh Vũ Đình H1, sinh ngày: 01/12/1988, 01 thửa đất số 157, tờ bản đồ số 38, diện tích đất 168m² và nhà cấp 4, mái bằng 60m². Tại địa chỉ TDP. K, phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Là nơi tôi đang sinh sống. Nhưng nguyện vọng của tôi là cho tặng và sử dụng mục đích cho thuê và kinh doanh, không được phép cầm cố, thế chấp hoặc mua bán thửa đất trên khi chưa được sự đồng ý của cá nhân tôi. Nên khi cho tặng tôi có yêu cầu giữa tôi và anh H1 có làm cam kết viết tay về việc sử dụng thửa đất trên. Nhưng trong thời gian công việc gia đình vợ tôi ốm, tôi không có nhà, tôi mới được biết thửa đất trên anh H1 và phía Ngân hàng Công ty Cổ phần B4 có cầm cố thửa đất đó với nhau khi chưa được sự cho phép của cá nhân tôi vì thửa đất trên là nơi sau này tôi sinh sống khi về già và thờ cúng vợ chồng tôi sau này"* (Bút lục 177). Anh Vũ Đình H1 cũng xuất trình 01 bản cam kết xác lập ngày 24/12/2021 giữa anh với ông Vũ Đình C: "...nay tôi viết cam kết này để cam kết sự việc tôi có được Bố tôi cho tặng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 38, diện tích đất 186m² và nhà cấp 4 mái bằng 60m², tôi được toàn quyền ở sinh hoạt, kinh doanh, buôn bán, cho thuê, hoặc sửa chữa, nhưng không được phép cầm có hoặc bán tài sản, và khu nhà cấp 4 phía sau là của Bố tôi sinh hoạt, không được quyền quyết định tài sản đó của Bố tôi, là nơi Bố tôi sinh sống. Tôi xin cam kết thỏa thuận trên với Bố tôi và chịu trách nhiệm như trong cam kết". Văn cam kết không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Bút lục 188).Tuy nhiên, ngày 04/3/2022 Ngân hàng TMCP B1 – Chi nhánh T1 đã có văn bản cam kết về tài sản làm việc giữa anh Vũ Đình H1 và ông Vũ Đình C. Ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị X cam kết:

"1. Tài sản là Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tái sản trên đất số BU 645503 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S cấp cho Ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y ngày 14/01/2022 (sau đây gọi tắt là "Tải sản") được Bên A tặng cho Bên B không kèm theo bất kỳ điều kiện gì và các Bên đã hoàn tất ghi nhận quyền sở hữu cho Bên B theo quy định pháp luật.

2. Tài sản nêu trên không có bất kỳ hạn chế nào về quyền của chủ sở hữu, Bên B toàn quyền thực hiện thế chấp tài sản nêu trên tại Ngân hàng TMCP B1 để bảo dâm cho nghĩa vụ của mình hoặc người khác. Bên A cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào.

3. Văn bản này được lập hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào".

Do vậy ông Vũ Đình C không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quyan trong vụ án.

Anh Vũ Đình H1 khai nhân viên Ngân hàng đã yêu cầu anh mua bảo hiểm của Công ty B3 thì mới giải ngân các khoản vay (anh có các tin nhắn của nhân viên ngân hàng nhắn với anh). Tuy nhiên, tại phiên tòa cấp phúc thẩm anh H1 không xuất trình các chứng cứ trên. Đồng thời, anh H1 khai gói bảo hiểm anh mua của Công ty B3 là gói bảo hiểm nhân thọ (tại 2 cấp xét xử của Tòa án, anh H1 cũng không giao nộp Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ). Qua xem xét Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản không có điều khoản nào quy định Công ty V phải mua bảo hiểm nhân thọ thì Ngân hàng B1 mới giải ngân các khoản vay. Nên Công ty B3 không có tư cách liên quan để tham gia tố tụng trong vụ án này. nhận. Như vậy, việc khai nại của anh Vũ Đình H1 là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Công ty TNHH V không được chấp nhận đơn kháng cáo, do đó căn cứ điểm khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Công ty TNHH V phải chịu án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000 đồng Công ty TNHH V đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí số 0004884 ngày 24/5/2024 và số 0004902 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn. Công ty TNHH V đã nộp đủ.

[4]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

* Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299; Điều 317,318; 319; 320; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự ; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.- Điều 19; 24; 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của công ty TNHH V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03 /202 4/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt chậm trả và phần yêu cầu giải quyết các chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B1 (BV B2), về việc: Buộc Công ty TNHH V, phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng (BV B2), tính đến hết ngày 22/4/2024. Tổng cộng 3.258.195.444đồng (Ba tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn bốn đồng). (Trong đó: Nợ gốc 2.885.000.000đồng; Lãi trong hạn 186.205.711đồng; Lãi quá hạn 186.989.733 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/4/2024), Công ty TNHH V, người đại diện theo pháp luật ông Vũ Đình H1, còn phải chịu thêm các khoản lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại chưa thi hành xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã được các bên ký kết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH V,Người đại diện theo pháp luật ông Vũ Đình H1, không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng (BV B2) có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa kê biên, phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0752200005600 ngày 04/03/2022, là thửa đất số 157, tờ bản đồ 38, diện tích 186m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và tài sản gắn liền trên đất tại thời điểm thế chấp và tài sản gắn liền với đất được hình thành trong tương lai là một căn nhà cấp 4 kết cấu một tầng diện tích mặt sàn 60m² xây dựng năm 1997; một nhà bếp lợp mái tôn thường, tường gạch, nền lát gạch men diện tích 50m² xây dựng năm 2012, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 645503, do U (thành phố) S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2014 cho ông Vũ Đình H1 và bà Nguyễn Thị Y.

Trường hợp, số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì Ngân hàng (BV B2), có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xác minh nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác của Công ty TNHH V để xử lý, thu hồi xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng (BV B2).

4. Về án phí KDTM phúc thẩm.

Công ty TNHH V phải chịu án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000 đồng

Công ty TNHH V đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí số 0004884 ngày 24/5/2024 và số 0004902 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn. Công ty TNHH V đã nộp đủ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP. Sầm Sơn;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nguyệt